TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ H CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 196/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 10-12-2021.
V/v "ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ H CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần H đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Thức.

Các H Thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Chí Lin

2. Bà: Trương Thị Kim Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 10/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 533/2021/TLST-HNGĐ ngày 20/10/2021 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/11/2021, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Bà Võ Thị Ngọc T, sinh năm 1986;

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L.

(Bà T có mặt, ông H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 04/10/2021 và quá trình giải quyết vụ án bà Võ Thị Ngọc T, trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn H chung sống với nhau vào năm 2003, có đăng ký vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh L. Bà T cho rằng thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp do bất đồng quan

điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên bà và ông H đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn.

Về con chung: Bà T khai bà và ông H có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh T, sinh năm 2004 và cháu Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 2006. Khi ly hôn, bà T xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có.

Ông Nguyễn Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng tại bản tự khai ông cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T

Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, không bổ sung ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai công khai tại phiên toà, trên cơ sở trình bày của đương sự, qua thảo luận và nghị án, H đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án*,

Bà Võ Thị Ngọc T xin ly hôn với ông Nguyễn Văn H. Ông H hiện đang cư trú tại ấp Tân Hòa, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L. Theo quy định tại các điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ông Nguyễn Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm theo thủ tục chung là đúng với quy định các điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về nội dung*,

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*:

Bà Võ Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn H chung sống với nhau vào năm 2003 và có đăng ký kết hôn vào năm 2004 là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo thì bà T xin ly hôn vì cho rằng mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. Ông H có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng tại bản tự khai ông cũng đồng ý ly hôn.

Nhận thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông H không còn, vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay nhưng cả hai cũng không có biện pháp gì để hàn gắn, đoàn tụ nên bà T xin ly hôn là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên H đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. *Về con chung*:

Bà T khai bà và ông H có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh T, sinh năm 2004 và cháu Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 2006. Khi ly hôn, bà T xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Thấy rằng, cháu tiến và cháu Thùy L đều đã đủ 07 tuổi, tại các bản tự khai các cháu đều có nguyện vọng sống chung với bà T nên H đồng xét xử giao cháu T và cháu Thùy L cho bà T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu, phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[2.3] *Về cấp dưỡng*: Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên H đồng xét xử không xém xét

[2.4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà T khai không có.

Ông H không có ý kiến gì phản hồi về việc trong thời gian chung sống ông và bà T có tài sản chung gì hay không nên H đồng xét xử không xem xét. Trường hợp ông H có tranh chấp về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân thì có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác nếu có căn cứ.

[3.] *Về án phí*: Bà Võ Thị Ngọc T phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 63, 146, 222, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 85 và 86 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc H Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

***Tuyên xử*:**

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Thị Ngọc T

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Võ Thị Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

2. Về con chung:

Bà Võ Thị Ngọc T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Minh T, sinh năm 2004 và Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 2006.

Ông Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà Võ Thị Ngọc T không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức hoặc cha, mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên.

3. Về tài sản chung, nợ chung: H đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí:

Bà Võ Thị Ngọc T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 8775 ngày 19/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, sang án phí để thi hành.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. H ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Công Thức

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Thành viên H đồng xét xử **Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Chí Lin - Trương Thị Kim Tiến **Văn Công Thức**